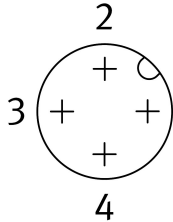
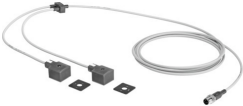


**Bộ phân phối khí**  
**NEDY-L2R1-V1-C1W4L-U-0.3L-M12G4-5R**  
Số bộ phận: 8035784

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                | Giá trị                                                    |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Dựa trên tiêu chuẩn                     | EN 175301-803<br>EN 61076-2-101                            |
| Cấu trúc xây dựng                       | Bộ chia chữ Y với cáp ở cả hai bên                         |
| Loại bộ phân phối                       | 2 trên 1                                                   |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu            | Đèn LED màu vàng                                           |
| Tên cáp                                 | với giá đỡ nhãn tên                                        |
| Kiểu gắn                                | có lỗ xuyên cho vít M2<br>với phụ kiện                     |
| trọng lượng sản phẩm                    | 153 g                                                      |
| Cổng nối điện 1, chức năng              | Phía điều khiển                                            |
| Cổng nối điện 1, thiết kế               | tròn                                                       |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối           | Giắc cắm                                                   |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp             | thẳng                                                      |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối      | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101                    |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây        | 4                                                          |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng | 3                                                          |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn               | Khóa vít với hình lục giác SW13 và rãnh dọc<br>có thể xoay |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn tương thích   | Tương thích với khóa vít xoay/không xoay                   |
| Cổng nối điện 2, chức năng              | Phía thiết bị hiện trường                                  |
| Cổng nối điện 2, thiết kế               | góc                                                        |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối           | Ổ cắm 2x                                                   |
| Cổng nối điện 2, đầu ra cáp             | được kê góc                                                |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối      | Kiểu kết nối C với EN 175301-803                           |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây             | 4                                                          |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng | 2                                                          |
| Cổng nối điện 2, kiểu gắn               | trên van điện từ với vít trung tâm M2,5                    |
| Dải điện áp hoạt động DC                | 20.4 V...27.6 V                                            |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C         | 4 A                                                        |
| Độ chịu điện áp xung                    | 0.8 KV                                                     |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chiều dài cáp 1                                             | 5 m                                                                                                                                                                                       |
| Chiều dài cáp 2                                             | 0.3 m                                                                                                                                                                                     |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt                                                                                                                                               |
| Dòng điều kiện kiểm tra                                     | Độ bền mỗi khi uốn: theo tiêu chuẩn Festo<br>Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu<br>Độ bền xoắn: > 300 000 chu kỳ, $\pm 270^\circ$ / 0,1 m<br>Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm |
| Bán kính uốn 1, định tuyến cáp có thể di chuyển             | 39 mm                                                                                                                                                                                     |
| Bán kính uốn 2, định tuyến cáp có thể di chuyển             | 39 mm                                                                                                                                                                                     |
| Đường kính cáp 1                                            | 3.8 mm                                                                                                                                                                                    |
| Đường kính cáp 2                                            | 3.8 mm                                                                                                                                                                                    |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                               | 0.25 mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                      |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65<br>IP67                                                                                                                                                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -20 °C...80 °C                                                                                                                                                                            |
| Lưu ý về nhiệt độ môi trường                                | -10 - 40 °C khi cố định qua lỗ xuyên                                                                                                                                                      |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -20 °C...80 °C                                                                                                                                                                            |
| Nhiệt độ bảo quản                                           | -20 °C...80 °C                                                                                                                                                                            |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                                                                                                  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS                                                                                                                                                                 |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS<br>không chứa halogen<br>không axit photphoric este                                                                                                                         |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                                                                                                                                                                                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                        | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                                                                                                  |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                                                                                                                                                                                |
| Màu vỏ cáp                                                  | xám                                                                                                                                                                                       |
| Vật liệu vỏ                                                 | PA<br>PC<br>TPE-U(PUR)                                                                                                                                                                    |
| nhà màu                                                     | màu đen                                                                                                                                                                                   |
| Vật liệu của phốt                                           | NBR                                                                                                                                                                                       |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm                            | Hợp kim đồng mạ vàng<br>Hợp kim đồng mạ bạc                                                                                                                                               |
| Vật liệu ống nối có ren                                     | Đồng thau mạ niken                                                                                                                                                                        |